

Số: 184/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025**  
**thị xã Hoà Thành**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 2556/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Hoà Thành đến năm 2045;

Căn cứ Biên bản số 16/BB-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của UBND thị xã Hoà Thành tại Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2025 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 482/TTr-STNMT ngày 20 tháng 01 năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:







## 2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)							
				P. Hiệp Tân	P. Long Hoa	P. Long Thành Bắc	P. Long Thành Trung	X. Long Thành Nam	X. Trường Đông	X. Trường Hòa	X. Trường Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>TỔNG DTTN (1+2+3)</b>		<b>127,45</b>	<b>5,64</b>	<b>1,28</b>		<b>73,03</b>		<b>5,50</b>	<b>42,00</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>112,04</b>	<b>5,03</b>	<b>1,28</b>		<b>61,30</b>		<b>5,50</b>	<b>38,93</b>	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	47,82	4,10			40,98		1,50	1,24	
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	46,58	4,10			40,98		1,50		
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1,24								
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	6,08	0,10						1,24	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	52,14	0,83	1,28		14,32		0,48	5,50	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH							3,52	32,19	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD									
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX									
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>									
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	6,00				6,00				
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT									
1.9	Đất làm muối	LMU									
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH									
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>15,41</b>	<b>0,61</b>			<b>11,73</b>			<b>3,07</b>	
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT									
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	5,12	0,32			4,80				
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,01	0,01							
2.4	Đất quốc phòng	CQP									
2.5	Đất an ninh	CAN									
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,28	0,28							
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,04	0,04							
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH									
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT									
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD									
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,24	0,24							









STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)							
				P. Hiệp Tân	P. Long Hoa	P. Long Thành Bắc	P. Long Thành Trung	X. Long Thành Nam	X. Trường Đông	X. Trường Hòa	X. Truờ Tây
4	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp</b>		1,92	0,18	0,75	0,08	0,31	0,03	0,10	0,38	
	<i>Trong đó:</i>										
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC									
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	1,92	0,18	0,75	0,08	0,31	0,03	0,10	0,38	
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK									
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK									
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD									

Ghi chú:

- NNP là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp;
- PNN là mã loại đất theo quy hoạch
- MHT là mã đất theo hiện trạng sử dụng đất

**4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:** Không có.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Hòa Thành có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND thị xã Hòa Thành có trách nhiệm:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Hòa Thành, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh. *g*

Nơi nhận: *Nhà*

- Như Điều 3 ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT. 12

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH.**



**Trần Văn Chiến**